

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 04-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lại Thị Lâm;
- Bà Nguyễn Quỳnh Nga.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quang Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà:
Ông Chu Huy Ánh- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại Nhà văn hóa thôn S4, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Giàng A M, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1976 tại tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Học xong lớp xóa mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A C (tên gọi khác Giàng Sông C1) và bà Sùng Thị H; có vợ là Trang Thị S (tên gọi khác Trang Thị S1) và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số: 25/2016/HSST ngày 29-11-2016 của T án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái, đến ngày 23-01-2019 chấp hành xong án phạt tù; bị tạm giữ từ ngày 10-6-2024, bị tạm giam từ ngày 13-6-2024; có mặt.

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1984 tại tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3; có vợ là Nguyễn Thị C2 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2024); tiền án,

tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10-6-2024; bị tạm giam từ ngày 13-6-2024; có mặt.

3. Giàng A P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980 tại tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Học xong lớp xóa mù chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A D và bà Sùng Thị L; có vợ là Sùng Thị S2 và có 04 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10-6-2024, bị tạm giam từ ngày 13-6-2024; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A M: Ông Nông Đức T4- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Y; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hà Văn Á, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

2. Sùng Thị S3, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Nguyễn Thị C2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A L1- Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05-6-2024 tại nhà bị cáo Giàng A M địa chỉ thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; Giàng A M mua 01 gói Heroine với giá 3.000.000 đồng của một người đàn ông dân tộc Mông tự giới thiệu tên là T5, nhà ở thành phố L. Sau khi mua được Heroine Giàng A M cất giấu ở trong nhà, đến ngày 06-6-2024, bán cho Nguyễn Văn T1 01 gói Heroine với giá 200.000 đồng; Nguyễn Văn T1 sau khi mua được Heroine đã mang về nhà sử dụng một mình hết.

Khoảng 14 giờ ngày 10-6-2024, tại nhà Giàng A M, bị cáo M đã bán cho Giàng A P 01 gói Heroine được gói trong mảnh nilon màu trắng với giá 100.000 đồng, sau đó bị cáo M đưa thêm cho bị cáo P một ít Heroine được gói vào mảnh nilon màu xanh nói chỗ quen biết nên bán cho P với giá rẻ hơn. Giàng A P cất gói heroin được gói bằng mảnh nilon màu xanh vào ví, còn gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu trắng P cất ở túi áo ngực, sau đó đi ra bàn uống nước ngồi. Khi P và M đang ngồi ở bàn uống nước thì Nguyễn Văn T1 đến gặp bị cáo Giàng A M hỏi mua 300.000 đồng ma túy. Sau khi nhận tiền của bị cáo T1 bị cáo M lấy ra chiếc hộp kim loại có chứa Heroine lấy một ít Heroine gói lại vào mảnh nilon màu xanh đưa cho T1. Sau khi mua được Heroine T1 cất giấu vào túi quần và ngồi lại uống nước cùng M và P tại nhà Mua. Khi M, T1, P đang ngồi uống nước thì có

Hà Văn Á đến nhà M hỏi mua 100.000 đồng Heroine, M đồng ý bán và nhận 100.000 đồng do Á đưa sau đó cất vào túi quần, đang định lấy ma túy ra chia nhỏ để bán cho Á thì bị tổ công tác Công an tỉnh Yên Bái bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ tại túi quần Giàng A M đang mặc trên người 01 hộp kim loại màu xanh trắng, bên trong có 01 gói nilon màu hồng được buộc túm một đầu, bên trong có chứa chất bột nén màu trắng và số tiền 9.750.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Văn T1: 01 gói nilon màu xanh bên trong có chứa chất bột nén màu trắng, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam sung và 01 xe mô tô nhãn hiệu Future màu xanh; thu giữ của Giàng A P 01 chiếc ví giả da màu nâu đen, bên trong có 01 gói nilon màu xanh có chứa chất bột nén màu trắng, 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa chất bột nén màu trắng tại túi áo phía trước ngực của P, 01 điện thoại di động bàn phím bấm màu xanh nhãn hiệu nokia và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đỏ đen. Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P tự khai nhận chất bột nén màu trắng bị thu giữ là Heroine vừa mua được của Giàng A M để sử dụng.

Ngày 10-6-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Giàng A M tại thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. Kết quả khám xét: Thu giữ ở dưới nền nhà gần vị trí Giàng A M đang đứng trong nhà 01 gói nilon màu xanh buộc túm một đầu, bên trong có chất bột nén màu trắng và một mảnh viên nén màu hồng (ngghi là ma túy tổng hợp).

Kết luận giám định số 353/KL-KTHS ngày 17-6-2024 của Phòng K Công an tỉnh Y, kết luận:

1. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Giàng A P có tổng khối lượng là 0,4 gam; 0,1 gam trích từ 0,4 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

2. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T1 có khối lượng là 0,44 gam; 0,14 gam trích từ 0,44 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

3. Chất bột nén màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Giàng A M có khối lượng là 2,6 gam; 0,1 gam trích từ 2,6 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

4. Chất bột nén màu trắng thu giữ khi khám xét đối với Giàng A M có khối lượng là 0,13 gam (Không thấy mười ba gam); 0,09 gam trích từ 0,13 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

5. Cục chất bột nén màu hồng thu giữ khi khám xét đối với Giàng A M có khối lượng là 0,04 gam; 0,04 gam chất bột nén màu hồng gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số: 356/KL-KTHS ngày 18-6-2024 của Phòng K Công an tỉnh Y, kết luận: 06 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; 20 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng; 27 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật.

Cáo trạng số: 19/CT-VKS-TT ngày 02-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái đã truy tố: Bị cáo Giàng A M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Giàng A M thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; đối với số tiền 9.750.000 đồng Công an thu giữ khi bắt bị cáo, trong số tiền này có 100.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy cho Giàng A P, 300.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy cho Nguyễn Văn T1 và 100.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy cho Hà Văn Á; số tiền còn lại 9.250.000 đồng là do bị cáo bán dao có được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo số tiền này. Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo bán ma túy cho Nguyễn Văn T1 vào ngày 06-6-2024 bị cáo đã chi tiêu hết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng đã truy tố; đối với 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung bị thu giữ bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này vào việc mua ma túy, đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Future bị thu giữ; là tài sản chung do hai vợ chồng bị cáo tích góp mua được, không liên quan đến việc phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại, trả lại cho vợ bị cáo chiếc xe mô tô.

Bị cáo Giàng A P khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng đã truy tố; đối với chiếc điện thoại di động bàn phím bấm Công an thu giữ khi bắt bị cáo, bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này vào việc mua ma túy, đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen bị thu giữ, chiếc xe là của gia đình bị cáo, do vợ bị cáo mua năm 2020 từ tiền chung của vợ chồng, đăng ký xe mang tên bị cáo do vợ bị cáo chưa có giấy phép lái xe. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại, trả lại cho vợ bị cáo chiếc xe mô tô mà Công an đã thu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sòng Thị S3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển kiểm soát 21B2-05247, Công an đã thu giữ. Chiếc mô tô này được mua từ tiền chung của vợ chồng, chị trực tiếp mua năm 2020, do không có giấy phép lái xe nên đăng ký xe mang tên Giàng A P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C2 trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future, biển kiểm soát 21T3-7037, Công an thu giữ, chiếc xe này là tài sản chung của gia đình, do hai vợ chồng mua lại xe của một người có tên là X ở huyện M. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chị chiếc xe mô tô này.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giàng A M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự

xử phạt bị cáo Giàng A M từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; áp dụng áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P đều là người không có tài sản riêng và đều là các là đối tượng nghiện ma túy, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; bị cáo Giàng A M phạm tội vì mục đích lợi nhuận, có đủ điều kiện áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự xử phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu và tiêu hủy: 3,14 gam Heroine còn lại sau khi trích lấy mẫu giám định được cho vào 01 túi nilon màu trắng và niêm phong vào một phong bì thư của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành; 01 ví giả da màu nâu đen, cũ đã qua sử dụng; 01 hộp kim loại màu trắng, đã cũ qua sử dụng; 05 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các mảnh nilon gói.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Giàng A M, trong đó có 300.000 đồng bị cáo bán ma túy cho bị cáo T1, 100.000 đồng bị cáo bán ma túy cho bị cáo P và 100.000 đồng bị cáo bán ma túy cho Hà Văn Á có được.

Truy thu của bị cáo Giàng A M 200.000 đồng tiền bị cáo bán ma túy cho Nguyễn Văn T1 vào ngày 06-6-2024 có được.

Trả lại: Bị cáo Giàng A M 9.250.000 đồng, bị cáo Giàng A P 01 điện thoại di động bàn phím bấm, vỏ máy màu xanh, nhãn hiệu Nokia, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng; bị cáo Nguyễn Văn T1 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, màu xanh, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng. Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị C2 01 xe mô tô, nhãn hiệu Future, màu xanh, biển kiểm soát 21T3-7037, xe đã cũ, đã qua sử dụng; chị Sòng Thị S3 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển kiểm soát 21B2-052.47, xe đã cũ, đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo Giàng A M là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự cho bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P không thuộc diện được miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A M trình bày lời bào chữa nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, bị cáo có bố đẻ là người có công với đất nước. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A M 07 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo; về xử lý vật chứng nhất trí như đề nghị của Kiểm sát viên.

Trong phần tranh luận bị cáo Giàng A M không bổ sung thêm lời bào chữa của người bào chữa; không tranh luận với Kiểm sát viên.

Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C2, Sông Thị S3 không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng Hà Văn Á vắng mặt. Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo Giàng A M, Nguyễn Văn T1, Giàng A P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 05-6-2024 tại nhà bị cáo Giàng A M, địa chỉ thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; bị cáo Giàng A M đã mua 01 gói Heroine của một người đàn ông không quen biết với giá 3.000.000 đồng; sau khi mua được ma túy đến ngày 06-6-2024 bị cáo Giàng A M lấy một ít Heroine trong gói Heroine đã mua được trước

đó bán cho Nguyễn Văn T1 với giá 200.000 đồng. Khoảng 14 giờ ngày 10-6-2024 bị cáo Giàng A M lấy 0,4 gam Heroine bán cho Giàng A P với giá 100.000 đồng; sau đó lấy 0,44 gam Heroine bán cho Nguyễn Văn T1 với giá 300.000 đồng và đang chuẩn bị bán 100.000 đồng Heroine cho Hà Văn Á thì bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 2,6 gam Heroine và 9.750.000 thu giữ của bị cáo Giàng Giàng A M, 0,44 gam Heroine thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1, 0,4 gam Heroine thu giữ của bị cáo Giàng A P. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Giàng A M thu giữ dưới chân bị cáo Giàng A M đang đứng trong nhà 0,13 gam Heroine và 0,04 gam Methamphetamine. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ một số vật chứng, tài sản khác có liên quan.

- Đối với bị cáo Giàng A M đã 04 lần bán trái phép chất ma túy, trong đó lần một vào ngày 06-6-2024 bán cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 gói gói Heroine với giá 200.000 đồng; ngày 10-6-2024 ba lần bán trái phép chất ma túy, trong đó bán cho Giàng A P 0,4 gam Heroine với giá 100.000 đồng, bán cho Nguyễn Văn T1 0,44 gam Heroine với giá 300.000 đồng và đang chuẩn bị bán cho Hà Văn Á 100.000 đồng Heroine thì bị bắt quả tang. Với hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy, hành vi của bị cáo Giàng A M đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Giàng A P, Nguyễn Văn T1: Ngày 10-6-2024 tại thôn S, xã P, huyện T tỉnh Yên Bái; bị cáo Giàng A P đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,4 gam Heroine, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,44 gam Heroine, thì bị bắt quả tang. Hành vi tàng trữ 0,44 gam Heroine của bị cáo Nguyễn Văn T1 và hành vi tàng trữ trái phép 0,4 gam Heroine của bị cáo Giàng A P, đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu truy tố bị cáo Giàng A M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Giàng A M và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, lan tràn tệ nạn nghiện chất ma túy và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[5] Xét nhân thân: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, bị cáo Giàng A M về nhân thân đã bị kết án 02 năm 09 tháng tù về tội ma túy. Do vậy, cần xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu.

6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Giàng A M có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy cần xử phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để giáo dục cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung:

- Bị cáo Giàng A M phạm tội vì mục đích vụ lợi, thu lời bất chính và có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy cần phạt bị cáo một khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xét thấy các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định và là đối tượng nghiện chất ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

- Đối với: 3,14 gam Heroine còn lại sau khi trích lấy mẫu giám định được niêm phong vào một phong bì do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với số tiền 9.750.000 đồng thu của bị cáo Giàng A M, trong số tiền này có 300.000 đồng là bị cáo bán ma túy cho bị cáo T1, 100.000 đồng bị cáo bán ma túy cho bị cáo P và 100.000 đồng bị cáo bán ma túy cho Hà Văn Á có được, đây là tiền bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 9.250.000 đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với 200.000 đồng bị cáo Giàng A M có được từ việc bán ma túy cho Nguyễn Văn T1 vào ngày 06-6-2024, số tiền này bị cáo đã chi tiêu hết. Xét thấy đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại di động bàn phím bấm, vỏ máy màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển kiểm soát 21B2-052.47, xe đã cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Giàng A P. Trong đó, chiếc điện thoại là tài sản hợp pháp của bị cáo P, chiếc xe mô tô là tài sản chung của bị cáo và vợ là Sông Thị S3, những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy cần trả lại bị cáo chiếc

điện thoại, trả lại vợ bị cáo là Sông Thị S3 chiếc xe mô tô đã bị thu giữ là phù hợp.

- Đối với: 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu samsung, màu xanh, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô, nhãn hiệu Future, màu xanh, biển kiểm soát 21T3-7037, xe đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1. Trong đó, chiếc điện thoại là tài sản hợp pháp của bị cáo T1, chiếc xe mô tô là tài sản chung của bị cáo và vợ là Nguyễn Thị C2, những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy cần trả lại bị cáo chiếc điện thoại, trả lại vợ bị cáo là Nguyễn Thị C2 chiếc xe mô tô, đã bị thu giữ là phù hợp.

- Đối với: 01 hộp kim loại màu xanh trắng, đã cũ qua sử dụng; 01 ví giả da màu nâu đen, đã cũ qua sử dụng, là những vật các bị cáo đã sử dụng là công cụ phạm tội, xét không có giá trị, hoặc không sử dụng được cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 05 phong bì đã mở niêm phong, các nilon gói là những vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Các đối tượng và hành vi có liên quan:

- Đối với người đàn ông dân tộc Mông tự giới thiệu tên T5, sống ở thành phố L đã bán Heroine cho Giàng A M vào ngày 05-6-2024, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lại lịch của người này nên không có cơ sở để xem xét, xử lý trong vụ án.

- Đối với Hà Văn Á là người đã có hành vi mua 100.00 đồng Heroine của bị cáo Giàng A M, tuy nhiên Ám chưa nhận được ma túy từ Mua, nên không xác định được khối lượng ma túy Á mua từ Mua nên có căn cứ để xem xét trong vụ án.

[11] Về án phí

- Bị cáo Giàng A M là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo, Kiểm sát viên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo. Xét thấy căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P bị kết án, phải chịu hình phạt và không thuộc diện được miễn án phí. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Giàng A M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Giàng A M 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 10-6-2024

Phạt bổ sung bị cáo Giàng A M 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 10-6-2024.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Giàng A P 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 10-6-2024.

3. Về vật chứng và tài sản tạm giữ của vụ án: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 3,14 gam Heroine còn lại sau khi trích lấy mẫu giám định được niêm phong vào một phong bì thư của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành; 01 hộp kim loại màu xanh trắng, đã cũ qua sử dụng; 01 ví giả da màu nâu đen, đã cũ qua sử dụng; 05 phong bì đã mở niêm phong, các nilon gói.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Giàng A M; trả lại bị cáo Giàng A M 9.250.000 đồng. Số tiền trả lại và số tiền tịch thu được niêm phong trong phong bì do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

- Truy thu của bị cáo Giàng A M 200.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại bị cáo: Giàng A Páo 01 điện thoại di động bàn phím bấm, vỏ máy màu xanh, nhãn hiệu NOKIA, số IMEI:357723105278978, IMEI:357723105278986, điện thoại đã cũ đã qua sử dụng; Nguyễn Văn T1 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, màu xanh, số IMEI1:351564091241950/01, IMEI2:351564091241950/01, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

- Trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị C2 01 xe mô tô, nhãn hiệu Future, màu xanh, số khung: RLHJA0207YY106330, số máy JA02E0106354, biển kiểm soát 21T3-7037, xe đã cũ, đã qua sử dụng;

Sòng Thị S3 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, số khung: RLHJA3846LY009379, số máy JA52E-0097389, biển kiểm soát 21B2-052.47, xe đã cũ, đã qua sử dụng.

Các vật chứng và tài sản tạm giữ có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10-10-2024 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu.

4. Về án phí:

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng A M.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T1, Giàng A P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trạm Tấu;
- Các bị cáo;
- Người có QLVN liên quan;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên